

Số: /GPMT-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 09/6/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập) về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thủy điện Trạm Tấu;

Căn cứ Quyết định số 2593/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc thành lập Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường Nhà máy thủy điện Trạm Tấu của Công ty Cổ phần thủy điện Trạm Tấu;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần thủy điện Trạm Tấu tại Văn bản số 28112025.01/CV-TĐTT ngày 27/11/2025 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường cho cơ sở Nhà máy thủy điện Trạm Tấu ở các xã Trạm Tấu, Hạnh Phúc, Phình Hồ thuộc tỉnh Lào Cai; Văn bản số 2202/2026/TĐTT ngày 02/02/2026 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường Nhà máy thủy điện Trạm Tấu sau khi đã chỉnh sửa, bổ sung, hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 93 /TTr-SNNMT ngày 10 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần thủy điện Trạm Tấu, địa chỉ tại Thôn Mo Nhang, +km21, xã Trạm Tấu, tỉnh Lào Cai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với Nhà máy thủy điện Trạm Tấu với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

- 1.1. Tên cơ sở: Nhà máy thủy điện Trạm Tấu.
- 1.2. Địa điểm thực hiện: Xã Trạm Tấu, Hạnh Phúc, Phình Hồ, tỉnh Lào Cai.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200315260 ngày 6/2/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 14/10/2025 do Phòng doanh nghiệp của Sở Tài chính tỉnh Lào Cai cấp.
- 1.4. Mã số thuế: 5200315260.
- 1.5. Loại hình sản xuất: Sản xuất điện (thủy điện).
- 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:
 - Tổng diện tích sử dụng đất: Diện tích đã được thuê đất là 637.700,4m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT02102.
 - Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án nhóm B
 - Dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.
 - Công suất: Tổng công suất 30 MW.
 - Quy trình công nghệ sản xuất: Nước mặt suối Ngòi Thia -> Đường ống áp lực -> Tuabin chạy máy -> Điện năng -> Nước sau khi phát điện được xả ra kênh xả sau Nhà máy -> Chảy ra suối Ngòi Thia.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.5. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của đơn vị được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần thủy điện Trạm Tấu có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã Trạm Tấu và các sở, ngành có liên quan nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã Trạm Tấu, Hạnh Phúc, Phình Hồ tổ chức kiểm tra việc thực hiện các theo quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Thế Phước;
- Các Sở: Công thương; Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND các xã Trạm Tấu, Hạnh Phúc, Phình Hồ;
- Công ty Cổ phần thủy điện Trạm Tấu;
- CVP, PCVP UBND tỉnh (Bích);
- Cổng Thông tin điện tử của tỉnh (để công khai);
- Lưu: VT, KT_(MB).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Phước

PHỤ LỤC 1:

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu nhà máy.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu nhà điều hành.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu nhà nghỉ của công nhân vận hành.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại đập đầu mối (không thải ra ngoài môi trường).
- Nguồn số 05: Nước thải lẫn dầu tại khu vực nhà máy (*nước lẫn dầu từ khu vực bảo dưỡng cơ khí và nước rò rỉ qua tuabin và các gian máy*)
- Nguồn số 06: Nước thải lẫn dầu tại khu vực máy biến áp 110kV khi có sự cố (không thải ra ngoài môi trường).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải số 01: Tương ứng với nguồn số 01

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Ngòi Thia, xã Trạm Tấu, tỉnh Lào Cai.
- Vị trí xả nước thải (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°*): X= 2378581; Y= 467926.
- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 0,4 m³/ngày đêm
- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.
- Chế độ xả nước thải: Không liên tục.
- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, Bảng 2, với các thông số như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 đến 9	Không thuộc đối tượng phải giám sát môi trường định kỳ (<i>theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ</i>)
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤ 35	
3	COD	mg/l	≤ 90	
4	TSS	mg/l	≤ 60	
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤ 8,0	
6	Tổng Nitơ	mg/l	≤ 30	
7	Tổng Phốt pho	mg/l	≤ 6,0	
8	Tổng Coliform	MPN/100ml	≤ 5000	
9	Sunfua	mg/l	≤ 0,5	
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 15	
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 5,0	

2.2. Dòng nước thải số 02: Tương ứng với nguồn số 02

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Ngòi Thia, xã Trạm Tấu, tỉnh Lào Cai.
- Vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3⁰): X= 2378240; Y= 467734.
- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1,5 m³/ngày đêm
- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.
- Chế độ xả nước thải: Không liên tục.
- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, Bảng 2, với các thông số như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 đến 9	Không thuộc đối tượng phải giám sát môi trường định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ)
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤ 35	
3	COD	mg/l	≤ 90	
4	TSS	mg/l	≤ 60	
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤ 8,0	
6	Tổng Nitơ	mg/l	≤ 30	
7	Tổng Phốt pho	mg/l	≤ 6,0	
8	Tổng Coliform	MPN/100ml	≤ 5000	
9	Sunfua	mg/l	≤ 0,5	
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 15	
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 5,0	

2.3. Dòng nước thải số 03: Tương ứng với nguồn số 03

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Ngòi Thia, xã Trạm Tấu, tỉnh Lào Cai.
- Vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3⁰): X= 2378460; Y= 467789.
- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1,5 m³/ngày đêm
- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.
- Chế độ xả nước thải: Không liên tục.
- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, Bảng 2, với các thông số như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 đến 9	Không thuộc đối tượng phải giám sát môi trường định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤ 35	
3	COD	mg/l	≤ 90	
4	TSS	mg/l	≤ 60	

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤ 8,0	số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ)
6	Tổng Nitơ	mg/l	≤ 30	
7	Tổng Phốt pho	mg/l	≤ 6,0	
8	Tổng Coliform	MPN/100ml	≤ 5000	
9	Sunfua	mg/l	≤ 0,5	
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 15	
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 5,0	

2.4. Dòng nước thải số 04: Tương ứng với nguồn số 4

Nước thải sau xử lý tại bể tự hoại 3 ngăn dung tích 7m³ được lưu giữ tại ngăn cuối của bể tự hoại và định kỳ thuê đơn vị có đủ chức năng hút đem đi xử lý (không thải ra ngoài môi trường).

2.5. Dòng nước thải số 05: Tương ứng với nguồn số 05

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Ngòi Thia, xã Trạm Tấu, tỉnh Lào Cai.
- Vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiều 3⁰): X= 2378561; Y= 467924.
- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 15 m³/ngày đêm.
- Phương thức xả nước thải: Bơm.
- Chế độ xả nước thải: Không liên tục.
- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng chất thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (hệ số Kq= 0,9; Kf= 1,2) với các thông số như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột B (hệ số Kq=0,9; Kf=1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Nhiệt độ	°C	40	Không thuộc đối tượng phải giám sát môi trường định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ)
2	Màu	Pt/Co	150	
3	pH	-	5,5-9	
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	54	
5	COD	mg/l	162	
6	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	108	
7	Tổng Xianua	mg/l	0,108	
8	Tổng Phenol	mg/l	0,0,54	
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,8	
10	Amoni (tính theo N)	mg/l	10,8	
11	Tổng Nitơ	mg/l	43,2	
12	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	6,48	
13	Coliform	MPN/	5000	

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột B (hệ số $Kq=0,9$; $Kf=1,2$)	Tần suất quan trắc định kỳ
		100ml		

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2032, chất lượng nước thải công nghiệp trước khi xả vào môi trường của cơ sở phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- *Dòng nước thải số 06:* Tương ứng với nguồn số 06

Nước thải lắng dầu sau khi thu gom về bể dầu sự cố 03 ngăn dung tích 30m³ được bơm vào các téc đựng dầu và được Công ty hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của chất thải nguy hại (*không xả ra ngoài môi trường*).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

1.1.1. Mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh, bồn rửa tay được thu gom bằng đường ống PVC Dn60 vào 01 bể tự hoại dung tích 7,5m³ (bể số 01). Nước thải sau khi xử lý tại bể tự hoại được dẫn bằng ống PVC-Dn100 dài 30m chảy ra suối Ngòi Thia, xã Trạm Tầu, tỉnh Lào Cai.

- Nguồn số 02:

+ Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh, bồn rửa tay được thu gom bằng đường ống PVC-Dn60 về 02 bể tự hoại 3 ngăn dung tích 7m³ (bể số 02, bể số 03).

+ Nước thải nhà bếp được thu gom bằng đường ống PVC-Dn12 qua thiết bị lọc tách rác, mỡ.

Toàn bộ nước thải sau đó theo đường ống PVC-Dn 90 dài khoảng 40m về bể xử lý nước thải công suất 1,5 m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý theo đường ống PVC-Dn100 dài 10m xả ra rãnh thoát nước BTCT D600 dài 50m khu nhà điều hành và chảy ra suối Ngòi Thia, xã Trạm Tầu, tỉnh Lào Cai.

- Nguồn số 03:

+ Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh, bồn rửa tay được thu gom bằng đường ống PVC-Dn60 về 02 bể tự hoại 3 ngăn dung tích 7m³ (bể số 04, 05).

+ Nước thải nhà bếp được thu gom bằng đường ống PVC-Dn12 qua thiết bị lọc tách rác, mỡ.

Toàn bộ nước thải sau đó theo đường ống PVC-Dn90 dài khoảng 30m về bể xử lý nước thải công suất 1,5 m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý theo đường ống PVC-Dn110 dài 20m ra hố ga thoát nước chung của khu vực sau đó chảy xuống

Ngòi Thia, xã Trạm Tấu, tỉnh Lào Cai.

- Nguồn số 4: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh được thu gom bằng đường ống PVC-Dn60 về 01 bể tự hoại 3 ngăn dung tích 7m^3 (bể số 06). Định kỳ thuê đơn vị có đủ chức năng hút đem đi xử lý (*không thải ra ngoài môi trường*).

1.1.2. Mạng lưới thu gom nước thải lẫn dầu

- Nguồn số 5:

+ Nước thải lẫn dầu từ khu vực bảo dưỡng cơ khí: Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom về rãnh thu kích thước rộng 200mm x cao 50mm bố trí dọc sàn, dài khoảng 100m, sau đó theo đường ống thoát đứng bằng thép Dn150 dài khoảng 24m về bể thu nước rò rỉ và tách dầu để xử lý.

+ Nước rò rỉ qua tuabin và các gian máy: Toàn bộ nước thải rò rỉ được thu gom qua hệ thống rãnh thu kích thước rộng 200mm x cao 50mm bố trí xung quanh khu vực tổ máy sau đó dẫn theo đường ống thoát đứng bằng thép Dn60 dài khoảng 16m về bể thu nước rò rỉ và tách dầu để xử lý.

Toàn bộ nước thải lẫn dầu sau xử lý được bơm ra kênh xả của nhà máy qua đường ống Dn50 để xả ra suối Ngòi Thia, xã Trạm Tấu, tỉnh Lào Cai.

- Nguồn số 6: Được thu về 02 hố thu sau đó theo đường ống thu gom nước Dn200 dài 24m về bể dầu sự cố 03 ngăn dung tích 30m^3 . Sau khi khắc phục sự cố xong, lượng dầu tại bể sự cố được bơm vào các téc đựng dầu (*không xả ra ngoài môi trường*) và được Công ty hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của chất thải nguy hại.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt

a) Bể tự hoại: 06 bể tự hoại 03 ngăn; trong đó: 01 bể tại khu nhà máy, 02 bể tại khu nhà điều hành, 02 bể tại khu nhà công nhân vận hành, 01 bể tại khu đập đầu mối; bể khu nhà máy có thể tích $7,5\text{m}^3$ (*kích thước dài 2,4m x rộng 2,4 m x sâu 1,3m*); còn lại mỗi bể đều có dung tích $7\text{ m}^3/\text{bể}$ (*kích thước dài 2,4m x rộng 2,4 m x sâu 1,2m*).

Quy trình xử lý: Nước thải đầu vào → Ngăn 1 (*chứa, lắng, phân huỷ sinh học*) → Ngăn 2 (*lắng, phân huỷ sinh học*) → Ngăn 3 (*lắng, lọc, chứa*) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung (*đối với khu vực nhà điều hành và nhà nghỉ ca của công nhân*).

b) Bể xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất $1,5\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$: 02 bể tại khu vực nhà điều hành và nhà nghỉ ca của công nhân.

Quy trình xử lý: Nước thải đầu vào -> ngăn dị dưỡng bố trí giá thể vi sinh -> ngăn tự dưỡng bố trí giá thể vi sinh -> hệ thống thoát nước chung và ra suối Ngòi Thia, xã Trạm Tấu, tỉnh Lào Cai.

Vật liệu sử dụng: Giá thể vi sinh.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất:

Đối với nước thải nhiễm dầu từ Nhà máy (*nước lẫn dầu từ khu vực bảo dưỡng cơ khí và nước rò rỉ qua tuabin và các gian máy*)

- Bể thu nước rò rỉ: 01 bể kích thước dài 2,2m x rộng 2,75m x sâu 4m; dung tích 24,2m³.

- Bể tháo cạn: 01 bể kích thước dài 2,5m x rộng 3,5m x sâu 4m; dung tích 35m³.

- Bể chứa dầu: 01 bể kích thước dài 1,65m x rộng 2,75m x sâu 4m; dung tích 30m³.

Quy trình xử lý: Nước thải nhiễm dầu -> bể thu nước rò rỉ -> dầu dẫn về bể chứa dầu, nước sạch dẫn về bể tháo cạn (*có bố trí tấm vải lọc dầu SOS*) -> nước sau xử lý xả ra suối Ngòi Thia, xã Trạm Tàu, tỉnh Lào Cai qua hệ thống bơm công suất 7,5 m³/h.

Vật liệu sử dụng: Vải lọc dầu SOS.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện vận hành công trình đảm bảo đúng quy trình.

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn;

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của công trình xử lý;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thiết bị, khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng dừng hoạt động phát sinh nước thải; tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý ra môi trường; tập trung khắc phục sự cố, vận hành thử lại nếu ổn định tiếp tục hoạt động; chỉ hoạt động trở lại khi sự cố được khắc phục hoàn toàn.

- Đối với sự cố rò rỉ dầu khu vực máy biến áp 110kV khi có sự cố: Bố trí 02 hố thu dầu sự cố bằng BTCT phía dưới mỗi máy biến áp (*02 máy biến áp*), mỗi bể có kích thước rộng 0,65m x sâu 0,65m để gom dầu thải trong quá trình xảy ra sự cố tràn dầu tại các máy biến áp. Nước thải lẫn dầu khi xảy ra sự cố thu gom xuống 02 hố thu và theo đường ống BTCT D200, i=0,5% dài khoảng 24m về bể dầu sự cố 03 ngăn, kích thước bể dài 5,04m x rộng 2,95m x sâu 2,54m (*kích thước mỗi ngăn dài 1,5m x 2,95m x 2,54m*); tổng dung tích chứa khoảng 30m³.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường tiếp nhận.

3.2. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra và khuyến khích thực hiện các biện pháp kiểm soát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải như: có nhật ký vận hành xử lý, lượng điện tiêu thụ, loại và lượng hóa chất sử dụng (nếu có).

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa theo quy định tại khoản 1 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở.

3.5. Công ty Cổ phần thủy điện Trạm Tấu chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này. Trường hợp phát hiện các thông số ô nhiễm vượt quá giới hạn cho phép phải dừng ngay việc xả nước thải và thực hiện các biện pháp khắc phục để xử lý triệt để ô nhiễm. Chịu trách nhiệm bồi thường, đền bù thiệt hại nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường tại khu vực.

PHỤ LỤC 2:
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

+ Nguồn số 01: Tuabin số 01.

+ Nguồn số 02: Tuabin số 02.

+ Nguồn số 03: Máy phát điện dự phòng (nguồn không thường xuyên).

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1 Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

2.2 Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2027 tiếng ồn, độ rung phát sinh tại cơ sở đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và theo quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành hoạt động của cơ sở, đảm bảo đạt các quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi thải ra ngoài môi trường.

2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Thường xuyên theo dõi các tác động ảnh hưởng tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động của cơ sở để tránh ảnh hưởng đến môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh khu vực; chủ động phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan có thẩm quyền giải quyết kịp thời kiến nghị phản ánh về tiếng ồn, độ rung hoạt động của cơ sở gây ra.

PHỤ LỤC 3:
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

TT	Chất thải nguy hại	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Cặn sơn thải (bao gồm cả vỏ, hộp đựng sơn thải bỏ)	08 01 01	Rắn	2
2	Vải lọc dầu đã qua sử dụng	15 01 02	Rắn	12
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	5
4	Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	218
5	Mỡ bôi trơn thải	17 07 04	Rắn	2
6	Vỏ can, thùng chứa dầu mỡ bôi trơn thải	18 01 03	Rắn	17
7	Giẻ lau dính dầu mỡ thải	18 02 01	Rắn	45
8	Ắc quy hỏng thải	19 06 05	Rắn	
9	Các bộ phận hỏng của máy móc dính dầu mỡ	19 12 02	Rắn	9
Tổng				308

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh
1	Bùn phát sinh từ các bể tự hoại	02 m ³ /năm
2	Bùn phát sinh từ bể xử lý nước thải sinh hoạt	01 m ³ /năm
3	Bùn cặn nạo vét hệ thống rãnh thu gom, thoát nước mưa	03 m ³ /năm
4	Bùn nạo vét lòng hồ	199.109 m ³ /lần nạo vét

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 09 kg/ngày chủ yếu là rau, thực phẩm thừa, chất hữu cơ dễ phân hủy, bao bì...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 09 thùng chứa, trong đó: 06 thùng có dung tích 200 lít; 03 thùng có dung tích 60 lít có nắp đậy kín dạng nhựa chuyên dùng,

chống ăn mòn, có kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 12m² (*kích thước dài 4,0m x rộng 3m*). Kho được xây dựng kín, mái che, nền cao lát bê tông, có biển cảnh báo kho chứa CTNH.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Trong kho bố trí 09 thùng chứa chất thải nguy hại riêng biệt được dán nhãn mác và đánh mã số CTNH. Bố trí đầy đủ dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

- Định kỳ thuê đơn vị có đủ chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định.

- Chỉ được lưu giữ chất thải nguy hại không quá 01 năm, kể từ thời điểm phát sinh. Trường hợp lưu giữ quá thời hạn nêu trên do chưa có phương án vận chuyển, xử lý khả thi hoặc chưa tìm được cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phù hợp thì phải báo cáo về việc lưu giữ chất thải nguy hại tại cơ sở phát sinh gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường bằng văn bản riêng hoặc kết hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường: Bùn nạo vét được lưu chứa tại 02 bãi thải, trong đó bãi thải số 01 có diện tích là 6.300m², bãi thải số 02 có diện tích là 12.000m². Vị trí bãi thải đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2303/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 về Phương án nạo vét lòng hồ thủy điện Trạm Tấu của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 02 thùng rác nhựa có nắp đậy loại 17 lít quanh nhà máy (khu vực nhà điều hành, khu vực nhà nghỉ ca của công nhân).

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải phát sinh đảm bảo theo quy định khi địa phương có đơn vị xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Theo dõi thường xuyên đập đang, hồ chứa và hệ thống cảnh báo an toàn long hồ, vùng hạ du hồ chứa trong quá trình vận hành Nhà máy; thường xuyên kiểm tra, giám sát xói lở dọc hai bờ suối Ngòi Thia phía hạ lưu đập trong quá trình vận hành Nhà máy để kịp thời khắc phục các tác động tiêu cực do xói lở gây ra.

2. Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, phương án phòng chống, ứng phó với sự cố cháy nổ, sự cố hệ thống lưu giữ chất thải và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự

cổ môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 *(được sửa đổi bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025)*.

4. Công ty Cổ phần thủy điện Trạm Tấu có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

PHỤ LỤC 4:
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 09/6/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (*trước sáp nhập*) về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thủy điện Trạm Tấu.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung đề xuất cấp Giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở.

2. Thực hiện rà soát, chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về đất đai của cơ sở.

3. Quản lý các chất thải phát sinh từ quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Định kỳ (*01 năm*) chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định; thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của địa phương. Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa thay thế bằng các sản phẩm thân thiện với môi trường; thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của địa phương.

4. Thực hiện đúng các quy định của Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện

Trạm Tàu theo Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 26/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (*nay là tỉnh Lào Cai*); Trường hợp tận thu, thu hồi khoáng sản phải thực hiện theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản 2024.

5. Tuân thủ các quy định về quan trắc khai thác tài nguyên nước tại Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước.

6. Thực hiện giám sát các thông số thủy văn phục vụ cho việc vận hành xả lũ; thường xuyên theo dõi hệ thống cảnh báo an toàn lòng hồ và vùng hạ du hồ chứa trong quá trình vận hành.

7. Thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

8. Thực hiện các quy định về phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện theo quy định tại Điều 35 và phương án ứng phó tình huống khẩn cấp theo quy định tại Điều 34 của Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

9. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

10. Nghiêm túc vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình đã được phê duyệt, đảm bảo không để xảy ra sự cố môi trường, kiến nghị của người dân khu vực xung quanh cơ sở.

11. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (*trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường*); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.